



Chī zǎofàn



Shàngxué



Shuìjiào



Chī wǎnfàn



Fàngxué



Qǐchuáng



Xiànzài



Chī wǔfàn

吃晚饭

现在

上学

吃早饭

起床

睡觉

吃午饭

放学